

CHÚA NGUYỄN ÁNH: BẾN TRE, PHÚ QUỐC, VÀ CA DAO

TS Nguyễn Hữu Phước

Chúa Nguyễn Ánh và Cây Bần hay Cây Thủy liễu.

Đồng bằng Đồng Nai - Cửu Long, ven bờ sông, rạch có rất vô số những cây bần. Theo học giả Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, cây bần :

“Cũng gọi là thủy liễu, loại cây to mọc dựa bờ nước, lá nhiều, nhành yếu, bông trắng, trái tròn dẹp, có đài dày, nhọn ở gần cuống, ăn chua và chát (Sonneratia).”

Có lẽ không một người nào biết rõ ràng địa dư của miền Lục Tỉnh thời xưa bằng chúa Nguyễn Ánh.

Năm 1775 khi Phú Xuân thất thủ vào tay Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn Duệ Tông cùng với một người cháu tên Nguyễn Ánh, thoát nạn chạy vào đất Gia Định. Trong lúc đó anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã nổi dậy ở làng Tây Sơn, tỉnh Bình Định từ năm 1771 để chống lại Chúa Nguyễn. Vì vậy từ 1775 cho đến 1790, quân binh của Nguyễn Ánh và quân binh Tây Sơn đã đánh nhau nhiều trận ở vùng Gia Định.

Quân binh Tây Sơn đã đánh và chiếm Gia Định tất cả 6 lần, có nghĩa là quân binh Nguyễn Ánh đã thua và chiếm lại Gia Định 6 lần; nói khác đi, biết bao xương máu đã đổ và bao nhiêu mạng sống đã bị hủy diệt (vì tham vọng của kẻ nắm quyền.) Mỗi lần thất thủ Gia Định, Nguyễn Ánh đã bôn ba chạy lánh nạn Tây Sơn, và ẩn tránh ở nhiều vùng khác nhau ở vùng ĐN-CL.

Trong suốt 15 năm đó, Lục Tỉnh là cái nôi giúp Ông nhân lực, tài lực và thực phẩm trong thời gian gây dựng lại cơ đồ nhà Nguyễn.

Chúa Nguyễn Ánh đã từng lánh nạn ở Bến Tre:

Theo Ông Nguyễn Hữu Đức (NHD),

“Chúa Nguyễn có lần chạy nạn, ... chúa Nguyễn ... ghé qua đồng Tam Quản, thuộc xã Hiệp Hưng, quận Giồng Trôm (thuộc Bến Tre) ... gặp được cụ Trương Tấn Khương giúp đỡ và còn cho con trai là Trương Tấn Bửu, đưa chúa Nguyễn ra Cù Lao Đất, đây là một cồn nhỏ nổi lên nằm giữa sông Hàm Luông, để trốn binh lính của Tây Sơn.”

(Cũng theo ông NHD, sông này trước kia có tên là sông Hàm Long, và Chúa Nguyễn Ánh trong lúc bôn ba “chạy nạn” đã có lần “từ biển Ba Tri vào cửa Hàm Luông”. Sau này Nguyễn Ánh lên ngôi lấy hiệu Gia Long nên dân miền Hàm long, theo tục cũ tên, gọi là sông Hàm Luông.)

Chính nơi đây, chúa Nguyễn được một vị chủ nhà cho ăn “mắm cá chột” và “vài trái bần chua” với “cơm nguội”. Chúa Nguyễn hỏi tên trái cây chua chua đó và được biết là trái bần. Chúa ra ngoài nhà nhìn thấy vô số cây bần mọc hai bên bờ sông.

“Chúa Nguyễn bảo rằng cây này xanh xanh giống như cây liễu, trong thi phú đời Đường đời Tống... Cây liễu ở xứ ta mọc trên bãi bùn, dầu cho nước mặn cũng không héo lá, vẫn xanh tươi, chúng ta nên gọi cây bần là cây

Thủy Liễu, loại liễu mọc ở dưới nước vậy.” (NHĐ)

Vậy tên “thủy liễu” của cây bần, theo giai thoại do ông NHĐ ghi lại, là do Chúa Nguyễn Ánh đặt ra.

Ca Dao Và Cây Bần

Sau đây là vài ba câu hát liên quan đến cây bần do các bạn già ghi lại:

Tuổi thân con khi ăn bần
Chuyên cây hái trái lọt ùm xuống sông.

Hoặc:

Cây bần de (hay gie) cây bần ngã cây bần quỳ*
Cảm thương con khi đột lấy gì mà ăn.

Hoặc:

Bần gie bần ngã bần quỳ
Sống mà chịu cảnh chia ly thêm buồn

Hay là:

Bần gie con hạc đậu cánh xòe
Tướng anh vô gá nghĩa, ai dè gạt em.

(4 câu chữ nghiêng:do TS PTT cung cấp.)

(* De hay gie, là nghiêng ra, nghiêng về một phía; quỳ = ngã nghiêng do gió thổi hay do nước chảy làm thân cây quỵ xuống. Ca dao cũng có câu khác dùng chữ quỳ:

Gió đưa bụi chuối ngã quỳ,
Thương cha phải chịu lụy dì dì ơi.)

Các anh trai làng thời xưa cũng thường lợi dụng bụi bần rậm rạp để “dòm lén” các cô gái nhà quê đi ngang qua lại:

Anh kia trốn bụi bần non
Không lo chài lưới, lo dòm các cô.

Các “rừng bần”, nơi ẩn náu, và là nguồn thực phẩm của khỉ, còn là nơi cư trú của vô số con đom đóm. Ban đêm, ánh sáng đom đóm lập lòe ven sông, là một bức tranh đẹp khó tả, thay đổi tùy theo tâm trạng của người ngắm tranh. Ai đó đã mượn cảnh này để trách người yêu:

Bần già đóm đậu sáng ngời
Lỡ duyên tại bậu trách trời sao nên .

Hoặc:

Đóm đeo thủy liễu đôi chùm
Biết ai hơn đạo chỉ giùm làm ơn.

(Có người khác đọc là: Biết ai hơn đạo làm mai giùm, tôi cảm ơn)

Và:

Bần de đom đóm bu quanh
Lập lòe sáng tối, lòng anh nhớ nàng.
Hàng dứa soi bóng Hàm Luông,
Bần de đóm đậu, qua buồn nhớ em.

Cây bần mọc ở mé sông, nơi có nhiều nước, tuy không cao và lớn, và không có gỗ tốt như các cây: ô dước, bời lời, sao, sến, nhưng có thể dùng trong việc xây cất. Ca dao có câu sau đây liên hệ đến cây bần, tuy rằng nói về chuyện thân phận chứ không trực tiếp về việc xây cất hay sự tốt xấu của gỗ:

Cảm thương ô dước, bời lời
Cha sao, mẹ sến, dựa nơi góc bần

Bông bần trắng, nằm giữa lá bần xanh trông rất đẹp. Nhưng ai đó đã thất vọng vì bông bần không thơm, nên có câu ca dao:

Cây bần ơi, hỡi cây bần
Lá xanh bông trắng lại gần không thơm.

Trong văn chương truyền miệng cũng có câu hát đùa về ông Táo và ông Địa dùng cây bần làm cảnh:

Ngó lên chót vót cây bần,
Thấy ba ông địa ở trần nấu cơm
Ông táo lấy chén đơm cơm,
Ông địa lo giỡn nồi cơm khét rồi.

Và còn có câu sau đây:

Mồ cha chôn cạnh gốc bần
Chẳng cho ghe cá đậu gần ghe tôm.

Hoặc:

Chiều mai chiều một anh “cốt” cây bần
Chẳng cho ghe cá đậu gần ghe tôm.*

[(*Theo TS PTT, 2 câu trên lấy từ “Bộ hành với Ca dao” của tác giả Lê Giang. Ông PTT giải thích rằng có một anh chàng không cho ghe một anh khác đậu gần “ghe cô bán tôm” là vì “ghen”; đây là ca dao vùng Rạch Giá, Cà Mau vì hai nơi này chữ “cốt” có nghĩa là đôn (chặt) cây rất thông dụng.)]

Ngày xưa khi chúng tôi còn nhỏ (trong thập niên 1945-55) có nghe hát bản nhạc “Lên Đàng”* của Lưu Hữu Phước:

“Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng, kiếm nguồn tươi sáng..”

Câu hát hay ho trên lại bị đám trẻ nhỏ “miệt vườn” đổi ra như sau:

“Bần chua ăn ngon cầm con dao phay xuống xuống, xới vài con mắm. . .”

* [(Theo Ông Đoàn Minh Hóa, Chủ nhiệm Nguyệt san Đi Tới (Canada - đã ngưng xuất bản từ khoảng 2007) bản Lên Đàng do các nhạc sĩ Huỳnh Văn Tiểng viết lời và Lưu Hữu Phước viết nhạc, ra đời vào năm 1947. Bản nhạc này được phổ biến trong thời Nam Bộ kháng chiến chống Pháp. Xin xem phóng ảnh bản nhạc, đính kèm, trích từ quyển Thanh Niên Ca do một nhóm cựu học sinh Petrus Ký xuất bản.)]

Giai Thoại Về Địa Danh “Ngã Ba Bần Quỳ”

Nơi hợp lưu của sông Vàm Cỏ và sông Tra có nhiều bần ở bờ sông. Nơi đó có tên là Ngã Ba Bần Quỳ. Tác giả Minh Khai đã giải thích nguồn gốc của địa danh này như sau:

“Tương truyền rằng ... khi ông Phan Thanh Giản . .uống thuốc độc tự tử...Tất cả bần ven sông (vùng hợp lưu) quỳ xuống như để chịu tang người khí tiết, trung quân, ái quốc.

Từ đó vùng ngã ba sông Vàm Cỏ và sông Tra được gọi là Ngã Ba Bàn Quỳ.” (Minh Khai)

Cặc Bàn: Tên Bình Dân Của Rễ Bàn.

Một điểm chót cần nói về cây bàn . Chúng có một số rễ đặc biệt, lớn hơn ngón tay cái một chút, mọc từ dưới bùn chĩa lên trời, dân Lục Tỉnh cho một tên cũng rất đặc biệt bình dân cho rễ bàn: “cặc bàn”. Quyển Việt Nam Tự Điển (LVD & LNT) có ghi định nghĩa:

“Cặc bàn (danh từ, thực vật): Rễ cây bàn, rễ cứng đuôi nhọn đâm ngược và ngay lên chòm chòm khỏi mặt đất từ 20 đến 40 cm” .

Người dân quê dùng nó làm nút chai. Khi nước ngập một phần lớn của rễ bàn, nếu nước chảy mạnh, rễ bàn thường ngã qua xuyên lại. Do đó, ở miền đồng bằng ĐN-CL có một câu đối khá độc đáo về rễ bàn như sau:

Nước chảy cặc bàn run bầy bầy
Gió đưa dái mít giầy tê tê.

Chúa Nguyễn Ánh Và Đào Phú Quốc

Nhưng Chúa Nguyễn Ánh có liên hệ gì đến cây cải và rau răm?

Tác giả Nguyễn Phúc Liên Kỳ (NPLK) đã cho chúng ta biết nguồn gốc của hai câu trên qua một bài khá dài. Tôi xin tóm lược như sau:

Vào năm 1783 sau khi mất Gia định lần thứ ba, Nguyễn Vương (tức Nguyễn Ánh, vì ông đã được tôn làm Tân Chính Vương năm 1778) phải chạy ra vùng đảo Phú Quốc. Nhưng lại bị thua trận, Nguyễn Vương phải trốn ở vùng đảo Côn Lôn và lại thua tiếp một trận lớn khác ở vùng này, nhưng rồi vẫn thoát nguy và trốn lại được ở đây. Trong tình thế tuyệt vọng đó. Nguyễn Vương đã liên lạc với Giám Mục Bá Đa Lộc và đi đến quyết định cầu viện nước Pháp. GM Bá Đa Lộc yêu cầu cho một Hoàng Tử đi theo phái đoàn cầu viện để dễ dàng hơn cho việc thương thuyết. Nguyễn Vương chọn Hoàng tử Hiệp (sáu tuổi), con duy nhất của bà Thứ phi Phi Yến.

[(Bà Phi Yến cực lực phản đối ý định cầu viện người Pháp). Bà Phi Yến , sau khi việc năn nỉ cho con khỏi đi không kết quả, “có tiếng cãi lời Nguyễn Vương”. Ông ra lệnh giam Bà trong hang núi ở một đảo nhỏ khác. Hoàng Tử Hiệp khóc, và cũng không chịu tuân lệnh đi theo phái đoàn.

Trong lúc ấy quân Tây Sơn đang vây vùng này và đang truy lùng Nguyễn Vương. Ông ra lệnh quăng Hoàng tử Hiệp xuống biển và thoát chạy. (Sau khi tìm được nơi trú ẩn an toàn, Ông cho Hoàng tử Cảnh, người con duy nhất của Bà Nguyên phi (sau này được tôn làm Cao Hoàng Hậu Tống Thị) theo GM Bá Đa Lộc đi Tây.)]

Hoàng tử Hiệp có biệt danh là ông “Hoàng Cải” và Bà Phi Yến có biệt danh là bà Phi Răm. Dân chúng vớt xác ông Hoàng Cải và chôn cất, xây mộ đàng hoàng và “gọi ngôi mộ ông Hoàng Cải là Mả Cậu”.

Về phần Bà Phi Yến, sau khi Nguyễn Vương đi rồi, dân địa phương cất nhà cho Bà cư trú. Dù vậy bà đã sống một đời đau khổ vì mất con trong khi trông chờ sự trở về của Nguyễn Vương .

Vì câu chuyện trên, sau khi Bà chết, dân chúng đã đặt ra hai câu hát:

Ầu ơ . . .
Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại chịu lời (chịu đời?) đắng cay.

Cái chết củ Bà Phi Yến lại là một chuyện thương tâm khác. Sau này, trong một đêm, sau buổi lễ cúng đình, một tên cường hào vào chỗ ngủ tạm của bà định cưỡng hiếp. Hắn ta chỉ nắm trúng một tay của Bà. Bà chống cự, dân làng bắt được tên đó. Sáng hôm sau, sau khi cảm ơn dân chúng đã cứu bà, trước mặt dân làng:

“Bà dùng dao chặt cánh tay đã bị tên vô lại vấy bẩn đêm qua; và để tỏ lòng trong sạch cao quý của một Hoàng Phi bà đã rút cây trâm cài đầu mà Nguyễn Vương tặng bà năm xưa đâm sâu vào cổ tự sát.”

Dân chúng địa phương chôn cất Bà bên cạnh Mả Cậu, và họ thờ cúng Bà ở An Sơn Miếu, thuộc đảo Côn Lôn Nhỏ, nơi Bà bị giam giữ khi xưa. Do đó, đảo Côn Lôn Nhỏ còn có tên là Hòn Bà (NPLK).

Tài Liệu Tham Khảo

A. Tài liệu truyền khẩu và tư liệu:

- Một số câu ca dao do các “bạn già” cung cấp.
- Phan Tấn Tài (2005). “Emails gửi Nguyễn hữu Phước” về một số tài liệu liên quan đến các câu ca dao trong bài “Đồng Nai Cũu Long: Những câu ca dao”

B. Sách và Đặc San

- Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ (1970). Việt Nam Tự Điển. Nxb Khai Trí, Saigon, VN.
- Minh Khai, (2000). “Vàm Kỳ hôn, kinh Chợ gạo, và con đường lúa gạo Miền Nam”
- Đặc san Tiền Giang – Hậu Giang, California, USA.
- Nguyễn Hữu Đức, (2000). “Trái bần hay trái thủy liễu”, Đặc San Bến Tre. Hội Ái Hữu Bến Tre xb, California, USA.
- Nguyễn Phúc Liên Kỳ (2004). “Chúa Nguyễn Phúc Ánh và mối tình trung trinh đất Côn Đảo”, Ba vị Hoàng đế cách mạng: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân Đặc San, Hội Đông Hoàng Tộc Hải Ngoại xb, California, USA.
- Vương Hồng Sển (1993). Tự vi tiếng Việt miền Nam. Nxb Văn Hĩa, TP Hồ Chí Minh, VN.

LÊN ĐÀNG

Lưu Hữu Phước

MARCH



Nào
Nhìn
Kìa



anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng kiếm nguồn tươi sáng. Ta
non sông ta trời mây bao la muôn đời. Tâm hồn phơi phới. Mong
gương hiệu trung truyền lưu muôn năm lên đàng. Kết đoàn hùng tráng. Danh



nguyên đồng lòng điểm tô non sông, Từ nay ra sức anh tài. Đoàn
nhìn hoàn cầu, ngó trông năm châu, Cùng nhau tung chí anh hào. Đoàn
lùng Bạch Đằng, tiếng vang Chi Lăng, Đồng tâm noi dấu anh hùng. Ngày



ta chen vai nờ chi chông gai lên đàng. Ta, người Việt Nam! Nhìn tương
ta đi mau, lòng trai không nao lên đàng. Ta, người Việt Nam! Nhìn non
xưa ai đem tài cho quê hương bao lần. Khương phò nhà Nam! Đoàn ta



lai huy hoàng, đoàn ta bước lên đàng, cùng hiên ngang hát vang.
sông tung bồng, đoàn ta hát vang lòng, đồng tung bay chí trai.
đi trong lòng đời chiến sĩ anh hùng nhìn non sông báo công.